

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 973/2019/DS-PT

Ngày: 01-11-2019

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Phụng

Bà Lê Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa
án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ
lý số 378/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại
tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019
của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4267/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 9
năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8213/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 10
năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Q, sinh năm: 1944 (chết ngày 13/5/ 2019);

Địa chỉ: Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

- Bà Mai Thị Thu C, sinh năm 1976;

- Ông Mai Thanh Thế C, sinh năm 1978;

- Ông Mai Thế C, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Thanh Thế C và ông Mai Thế C: Bà Mai Thị Thu C (Văn bản ủy quyền công chứng số 017933 ngày 15/10/2019 và số 018054 ngày 17/10/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C:

Ông Phạm Văn Đ - Luật sư Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Tiến H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Tiến H: Ông Ngô Đa N, sinh năm 1974; Địa chỉ: Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền số công chứng 26380 ngày 07/10/2019).

4. Người kháng cáo: Ông Đỗ Tiến H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm bà Mai Thị Thu C, ông Mai Thanh Thế C và Mai Thế C trình bày:

Ông Mai Thế S (đã chết năm 2011), bà Đỗ Thị Q (đã chết ngày 13/5/2019). Ông S và bà Q có ba người con gồm: Mai Thị Thu C, Mai Thanh Thế C và Mai Thế C. Vào năm 2005 ông Đỗ Tiến H đã vay của bà Đỗ Thị Q số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau đó, khoảng tháng 10/2018 vì tin tưởng ông H là cháu ruột của mình nên bà Q đã đưa cho ông H giữ gìn số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Tổng số tiền ông H vay và giữ gìn bà Q là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ông H và bà Q là dì cháu nên hai bên không viết giấy vay tiền hoặc ký nhận bất cứ giấy tờ gì. Do bà Q tuổi cao, sức khỏe yếu, thường xuyên phải khám bệnh, mua thuốc chữa trị nên rất cần tiền nên bà Q đã nhiều lần yêu cầu ông Hoàng trả lại số tiền 450.000.000 đồng nhưng ông H cố tình né tránh, tìm đủ lý do để trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho bà Q. Do vậy bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H trả lại số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 13/5/2019 bà Q chết; bà C, ông C, ông C1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H trả số tiền 450.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Tiến H trình bày tại Bản tự khai ngày 21/3/2019 và các biên bản hòa giải:

Ông là cháu ruột của bà Q (mẹ ông Hoàng là chị ruột của bà Q). Tháng 5/2018 bà Q có đưa cho ông số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để mở xưởng mộc làm ăn. Vừa qua có cơn bão lụt xưởng mộc mua ván bị ngập nước tổn thất hai trăm tấm ván làm công trình bị trễ tiến độ không giao được hàng cho công trình, số tiền này bà Q đã hứa cho ông. Đối với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) bà Q đã cho ông để sửa nhà, tổng cộng 450.000.000 đồng. Trong thời gian qua bà Q kệt tiền, ông H đưa cho bà Q nhiều lần, mỗi lần 7.000.000 đồng, có lần 10.000.000 đồng, hai lần 6.000.000 đồng. Nay con của bà Q đòi lại số tiền này, vì làm ăn thua lỗ ông H không có điều kiện trả lại, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn:

Buộc ông Đỗ Tiến H có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị Thu C, ông Mai Thanh Thế C, ông Mai Thế C1 số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/6/2019, ông Đỗ Tiến H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực sự khách quan, chưa đúng với thực tế và thiếu cơ sở pháp lý, bởi vì toàn bộ số tiền nguyên đơn yêu cầu đòi lại là do nguyên đơn tự nguyện cho bị bị đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người được ủy quyền gửi Đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trưng cầu giám định chữ ký của bà Đỗ Thị Q trong đơn khởi kiện do nghi ngờ có sự giả mạo chữ ký của bà Q; đồng thời gửi Đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu thập tài liệu chứng cứ, theo đó đề nghị Tòa án ra Quyết định yêu cầu Phòng công chứng, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp hồ sơ Di chúc của bà Đỗ Thị Q

số 033659 ngày 10/10/2008 để lấy mẫu chữ ký giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn và người được ủy quyền trình bày: Năm 2005 bà Q cho ông H 50.000.000 đồng để sửa nhà, sau đó cho thêm ông H 100.000.000 đồng, số tiền trên bà Q có được là do bà Q bán nhà thừa kế của bà ngoại ông H. Từ số tiền trên ông H mua mảnh đất bán có lãi nên ông đưa cho bà Q 400.000.000 đồng nhưng bà Q không nhận, ông không vay mượn hay giữ dùm tiền của bà Q. Ông đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Q. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập mẫu chữ ký làm căn cứ giám định chữ ký trong đơn khởi kiện của bà Q.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tại Biên bản tự khai ngày 21/3/2019, tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/3/2019 thì bị đơn đã thừa nhận cầm của nguyên đơn là 450.000.000 đồng nhưng chưa có điều kiện để trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thay đổi lời khai không thừa nhận mà cho rằng số tiền 450.000.000 đồng là số tiền nguyên đơn cho bị đơn nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Tiến H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/6/2019 ông Đỗ Tiến H kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân quận G, đơn của ông Đỗ Tiến H kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ông Đỗ Tiến H ủy quyền cho ông Ngô Đa N tham gia tố tụng. Ông Mai Thanh Thế C và ông Mai Thế C1 ủy quyền cho bà Mai Thị Thu C tham gia tố tụng. Bà Mai Thị Thu C yêu cầu ông Phạm Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C. Xét thấy thủ tục ủy quyền và yêu cầu người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Điều 85 và Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của phía bị đơn về việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập mẫu chữ ký làm căn cứ giám định chữ ký của bà Q trong đơn khởi kiện: Ngày 30/01/2019 bà Đỗ Thị Q lập giấy ủy quyền cho bà Mai Thị Thu C với nội dung ủy quyền cho bà C liên hệ với Tòa án nhân dân các cấp để tham gia tố tụng theo đơn khởi kiện của bà Q đối với ông Đỗ Tiến H. Giấy ủy quyền được văn phòng công chứng chứng nhận. Ngày 25/02/2019 bà Đỗ Thị Q làm đơn khởi kiện ông Đỗ Tiến H, yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Tiến H phải hoàn trả bà số tiền 450.000.000 đồng, đơn có chữ ký của bà Đỗ Thị Q, cùng ngày 25/02/2019 bà Đỗ Thị Q ký đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Như vậy, ngoài chữ ký trong đơn khởi kiện, bà Q còn ký tên tại đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí; ký tên trong giấy ủy quyền có sự chứng nhận của công chứng viên, đó là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố

tụng dân sự. Những tài liệu trên đã thể hiện ý chí của bà Q. Bà Q khởi kiện ông H từ ngày 25/02/2019 đến ngày 13/5/2019 bà Q chết, hơn nữa đối tượng yêu cầu giám định (chữ ký trong đơn khởi kiện) không phải là chứng cứ trong vụ án, việc yêu cầu giám định sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và các con của bà Q là người được hưởng thừa kế quyền về tài sản của bà Q nên họ cũng có quyền khởi kiện sau khi bà Q chết. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải giám định chữ ký của bà Q trong đơn khởi kiện nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập mẫu chữ ký của bà Q.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm các đương sự thống nhất số tiền tranh chấp là do cá nhân ông H giao dịch với bà Q không liên quan đến vợ ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của ông Đỗ Tiến H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và bác yêu cầu của nguyên đơn với lý do: Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực sự khách quan, chưa đúng với thực tế và thiếu cơ sở pháp lý. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Đỗ Thị Q viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Tiến H phải trả bà số tiền 450.000.000đồng, bà Q không có chứng cứ gì chứng minh kèm theo đơn khởi kiện. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, ông Đỗ Tiến H viết bản tự khai ngày 21/3/2019 trình bày: Ông có nhận của bà Đỗ Thị Q tổng số tiền là 450.000.000 đồng, đây là số tiền bà Q cho ông. Khi bà Q kệt tiền ông đã nhiều lần đưa tiền cho bà Q, nay ông không có điều kiện để đưa lại. Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2019 ông H đã xin trả dần số tiền trên nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 về “Quyền đòi lại tài sản” chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày không nhận số tiền 400.000.000 đồng của bà Q mà ông mới là người đưa cho Q số tiền 400.000.000 đồng nhưng bà Q không nhận số tiền này, lời trình bày trên của ông H mâu thuẫn với lời trình bày của ông tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Do không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q và bác yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến H nên ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận G.

1. Buộc ông Đỗ Tiến H trả cho bà Mai Thị Thu C, ông Mai Thanh Thế C và ông Mai Thế C1 số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Tiến H phải chịu 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Tiến H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0000983 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G; ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận G;
- Tòa án nhân dân quận G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền